

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 95****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, xem từ ba chữ cuối cùng:

“*Hựu bốn kinh trung đệ tam thập nhị phẩm hạ, Di Lặc đương cơ*” (lại nữa, trong kinh này từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lặc là đương cơ). Đức Phật thuyết bộ kinh này gồm tổng cộng bốn mươi tám phẩm, trong ba mươi một phẩm đầu, tôn giả A Nan là đương cơ, trong các phẩm cuối từ phẩm ba mươi hai đến phẩm bốn mươi tám, Di Lặc Bồ Tát là đương cơ, điều này cũng hy hữu và là duyên phận thù thắng. Người đương cơ biểu thị loại căn cơ nào thích hợp để tu học pháp môn này. Di Lặc làm đương cơ có ý nghĩa rất sâu, vì trong thời kỳ Mạt Pháp của đức Thế Tôn, trong xã hội hiện thời có rất nhiều tin đồn Di Lặc Bồ Tát đã thành Phật, sắp đến thế gian này hóa độ chúng sanh. Đây là lời lẽ yêu mị dối người, về căn bản chẳng có chuyện này! Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, khi nào Di Lặc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong thế gian của chúng ta? Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy “*tứ thiên niên chi hậu*” (sau bốn ngàn năm), bốn ngàn năm ấy là bốn ngàn năm trên cõi trời Đâu Suất, không phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta. Nay Di Lặc Bồ Tát đang ở Đâu Suất Thiên, thọ mạng của Đâu Suất Thiên là bốn ngàn tuổi. Sự khác biệt thời gian giữa Đâu Suất Thiên và thế gian chúng ta rất lớn, hiện nay [sự sai biệt ấy] được gọi là “*thời sai*”, một ngày trên ấy bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Nếu nói theo nhân gian, thọ mạng con người rất dài thì sống được một trăm năm, trên trời Đâu Suất cũng là một ngày gồm hai mươi bốn giờ, dùng thời gian trên trời Đâu Suất để tính toán, [người trong nhân gian thọ trăm tuổi] sống được bao nhiêu giờ? Sáu giờ. Sáu giờ của họ bằng một trăm năm của chúng ta, sai khác rất lớn. Đổi theo cách tính thời gian trên địa cầu, sẽ là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, năm mươi bảy ức! Thời gian còn dài quá, rất ư là lâu! Trên thế gian nếu không có Phật xuất thế sẽ hết sức đáng thương, năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, tôi tính sai rồi! Nhưng Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi, trong lúc không có Phật xuất thế, tuy hiện thời Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nhưng sức ảnh hưởng của Ngài, tức là pháp vận của lão nhân gia là một vạn hai ngàn năm. Dựa theo cách ghi chép của tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, lão nhân gia nhập diệt vào năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu tính theo cách này, phải biết từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, khác với cách tính của người ngoại quốc. Theo cách tính của người ngoại quốc thì là hơn hai ngàn năm trăm năm, sai biệt sáu trăm năm. Chúng ta chẳng cần phải khảo cứu chuyện này, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chuyện này không quan trọng, điều quan trọng nhất là hiểu lý, chúng ta niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, đó là trọng yếu.

Do vậy, tuy Phật chẳng tại thế, kinh điển vẫn còn. Kinh Đại Thừa nói chỗ nào có kinh điển, chỗ đó có Pháp Thân của Như Lai hiện diện. Đức Phật dùng kinh giáo để độ

chúng sanh, những thứ khác đều thuộc loại kỷ niệm, chẳng hạn như xá-lợi của Phật hoặc xương ngón tay đức Phật đều thuộc loại kỷ niệm. Dầu quý vị đến xem cho nhiều, lễ bái nhiều đến đâu đi nữa, vẫn chẳng thể khai ngộ, cũng chẳng thành Phật. Chúng ta muốn khai ngộ, muốn thành Phật, vẫn phải nương theo giáo huấn trong kinh điển để nghiêm túc tu hành. Đó là chánh pháp, chẳng phải là mê tín, phải hiểu đạo lý này. “Di Lạc làm đương cơ” có nghĩa là trong thời kỳ Mạt Pháp, Di Lạc Bồ Tát dạy chúng ta pháp môn gì? Dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta cầu sanh Di Đà Tịnh Độ, chẳng phải là Di Lạc Tịnh Độ. Phải hiểu ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu ý nghĩa này, phần sau kinh, từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lạc làm đương cơ sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết! Do vậy, chúng ta phải hiểu, phải thấu hiểu ý nghĩa biểu thị pháp của đức Phật. Không chỉ là hiện thời Di Lạc Bồ Tát dạy chúng ta phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà trong tương lai, tức là vào năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, khi Di Lạc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, vẫn giảng bộ kinh này, vẫn tuyên dương Tịnh Độ, khuyên dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [phải là như vậy] thì sự biểu thị pháp mới là viên mãn. Nếu không, Ngài biểu thị pháp có ý nghĩa gì đâu? Đối với những chỗ như thế này, xem kinh phải chú tâm, chớ nên hời hợt qua loa đọc lướt qua. Vì thế, ở chỗ này, [kinh điển] đã đặc biệt nhắc nhở chúng ta.

Lại xem tiếp, “*đệ tứ thập lục phẩm, Phật phó chúc Di Lạc đại sĩ viết: - Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn*” (trong phẩm bốn mươi sáu, đức Phật phó chúc Di Lạc đại sĩ: “Ta nay đúng lý tuyên thuyết pháp môn vi diệu rộng lớn như thế”), đó là nói về bộ kinh này, “*nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán*” (được hết thảy chư Phật khen ngợi). Ở đây chúng ta thấy, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên dương pháp môn này, khuyên dạy đại chúng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Phó chúc nhữ đẳng tác đại thủ hộ, đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt*” (dặn dò, giao cho các ông hãy bảo vệ lớn lao, khiến cho pháp này tồn tại lâu dài chẳng diệt). Đó là lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là lời căn dặn Di Lạc Bồ Tát, ông phải hộ trì pháp môn này, khiến cho pháp môn này tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng bị diệt mất. “*Di Lạc thừa Phật phó chúc, hoằng trì thị kinh*” (Di Lạc tuân lời Phật phó chúc, hoằng dương, hộ trì kinh này). Hoằng (宏) là hoằng dương, Trì (持) là y giáo phụng hành, Di Lạc Bồ Tát cũng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Thị cố đại sĩ, bất dẫn đương lai Long Hoa hội thượng tất thuyết thử kinh*” (vì vậy, đại sĩ không chỉ trong tương lai ắt nói kinh này trong hội Long Hoa), Ngài tiếp nhận lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, lẽ nào trong ba hội Long Hoa chẳng giảng kinh này? Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chúng ta có thể suy luận trong tương lai Di Lạc Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, Ngài [thuyết pháp] chỉ có ba hội, không giống như đức Thế Tôn [Thích Ca Mâu Ni Phật]. Đức Thế Tôn là hơn ba trăm hội, ngài Di Lạc chỉ có ba hội. Chúng ta có lý do để tin tưởng, trong mỗi hội, Ngài đều giảng bộ kinh này, đều tuyên dương pháp môn này thì mới chẳng phụ bạc sự phó thác của Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp môn này trọng yếu ngàn ấy! “*Trực thị tận vị lai tế diệt tất thường thuyết bất tuyệt*” (mãi cho đến đời vị lai ắt cũng thường nói chẳng dứt), chúng tôi đồng ý với cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong câu này. Vì sao? Vì chỉ có pháp môn này có thể khiến cho người thuộc hết thảy căn tánh thượng trung hạ thành tựu viên mãn trong một đời. Chỉ có pháp môn này là thành tựu viên mãn trong một đời, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng thể khiến cho quý vị thành tựu trong một đời. Do vậy, chúng ta rất may mắn gặp được pháp môn này, khó có

lắm! Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*” mà chúng ta đã gặp. Những người nói các câu ấy đều khó có, nếu chẳng phải thật sự là bậc tái lai sẽ không thể nói ra lời ấy được! Nay chúng ta có duyên nghe được, hãy nên nắm chắc nhân duyên hy hữu khó gặp này, quyết định thành tựu trong một đời này. Phải thật sự y giáo phụng hành, phải quyết định nắm chặt cơ hội này, chớ nên bỏ lỡ, đó là đúng. Di Lạc Bồ Tát được giới thiệu tới đây.

Tiếp theo đó là giới thiệu Hiền Kiếp, vì trong kinh vẫn có nói: “*Cập Hiền Kiếp nhất thiết Bồ Tát*” (và hết thấy các vị Bồ Tát trong Hiền Kiếp). Kiếp (Kalpa) là một danh xưng thời gian trong Phật pháp, là một khoảng thời gian rất dài. Kiếp được nói đến ở đây là “đại kiếp”. Kiếp có ba thứ: Tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. Có rất nhiều cách giải thích tiểu kiếp, trong kinh có đến mấy cách nói, nhưng đức Phật thường dùng tuổi thọ của con người để nói. Tuổi thọ con người ngắn nhất là mười năm, đây là nói theo tuổi thọ bình quân (tuổi thọ trung bình) của cư dân trong thế gian này. Nói chung, tuổi thọ trung bình trong thế giới hiện thời là bảy mươi tuổi, cổ nhân thường nói: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (người sống bảy mươi xưa nay hiếm). Trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, tuổi thọ bình quân là một trăm tuổi. Khi con người thọ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm, tăng thêm một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi là đạt tới cực hạn; từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, lại giảm đến mười tuổi, [một chu kỳ] một tăng một giảm được gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Hiền Kiếp (Bhadra-kalpa) là danh xưng của đại kiếp hiện thời. Chúng ta đang sống trong đại kiếp ấy, một đại kiếp có bốn trung kiếp, trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không, đó là bốn trung kiếp, mỗi trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, thời gian được tính theo cách như vậy. Hiện thời là Trụ kiếp trong Thành, Trụ, Hoại, Không, nay chúng ta đang thuộc Trụ Kiếp, “*danh vi Hiền Kiếp*” (có tên là Hiền Kiếp).

“*Tại thử đại kiếp trung, hữu thiên Phật xuất thế*” (trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời). Vì sao gọi là Hiền? Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian này. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, vị thứ năm kế tục là Di Lạc Bồ Tát, đến thế gian này làm Phật, đây là vị Phật thứ năm. Phải biết sau khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật kết thúc, vẫn phải là sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Di Lạc Bồ Tát mới đến thế gian này thị hiện thành Phật. Thời gian không có Phật, không có giáo huấn của thánh nhân, tập tánh của chúng sanh rất khó dứt trừ, khổ chẳng thể nói được! Phật, Bồ Tát từ bi, trong thời gian không có Phật ấy, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện trụ trong thế giới, tiếp nhận sự phó thác của chư Phật Như Lai, thay thế Phật hóa độ chúng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ, trong khoảng thời gian dài ngàn ấy, Phật xuất hiện đúng là “*hoa Đàm thoáng hiện*”, thời gian xuất hiện quá ngắn ngủi. Địa Tạng Bồ Tát từ bi đến cùng cực, pháp hội của Địa Tạng Bồ Tát thù thắng hơn các pháp hội Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật tại Đạo Lợi Thiên Cung giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, ai đến tham gia pháp hội? Mười phương hết thấy chư Phật Như Lai. Quý vị nói xem có tuyệt diệu hay không? Trong các kinh điển khác, chúng ta thấy lúc đức Thế Tôn mở pháp hội, người nào tham gia? Mười phương Bồ Tát đến tham gia, Thanh Văn đến tham gia, chư thiên đến tham gia, chẳng thấy chư Phật Như Lai đều đến tham gia. Vì sao? Địa Tạng Bồ Tát phát tâm là thật, “*địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (địa ngục

chẳng trống, thề không thành Phật). Từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết có bao nhiêu chư Phật Như Lai trong quá khứ đều là học trò hay tín đồ của Địa Tạng Bồ Tát, quý vị thấy họ đều thành Phật cả rồi, mà Địa Tạng vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, vẫn ở trong thế giới khổ nạn hồng giúp đỡ hết thảy chúng sanh.

Địa Tạng tượng trưng cho “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, hai câu trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” là cội rễ của hết thảy điều lành thế gian và xuất thế gian, Bồ Tát đại diện cho pháp môn này. Vì vậy, chúng ta trông thấy tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát, phải nghĩ tới “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy). Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, khỏi cần phải nói nữa, dẫu là kẻ tu hành tốt đẹp đến mấy vẫn là giả, chẳng thật, vì sao? Kẻ ấy trái nghịch Tánh Đức. Do vậy, tại Trung Quốc vào thời cổ, quốc gia tuyển lựa nhân tài, quá nửa là những người ấy sẽ được trao quyền cai trị, điều kiện tiên quyết là phải hiếu thảo. Người ấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, nhất định sẽ có thể yêu dân, trung với nước nhà, yêu mến, bảo vệ nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết. [Gọi gộp chung hai điều ấy là] hiếu liêm, liêm sẽ không tham ô. Từ thời Hán Vũ Đế định ra quy chế ấy, “*cử hiếu liêm*”, “*cử*” (舉) là tuyển cử, nơi nào có trẻ nhỏ là đứa con hiếu thảo, liêm khiết, quan viên nơi ấy phải chăm sóc nó cẩn thận. Thật vậy, quả nhiên là khá lắm, sẽ tuyển lựa nó, quốc gia vun bồi nó. Chế độ ấy vẫn được thực hành mãi cho đến khi chánh quyền Mãn Thanh vong quốc. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, Dân Quốc thành lập, chế độ ấy mới chẳng còn nữa! Chế độ ấy hay lắm. Quý vị thấy bao nhiêu triều đại thay đổi, nhưng chế độ như vậy vĩnh viễn được gìn giữ, chẳng có triều đại nào không coi trọng vấn đề này, không triều đại nào dám phế bỏ chế độ ấy. Vì vậy, đây là một chế độ rất tốt đẹp!

Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian này. “*Bi Hoa Kinh ngũ viết*” (kinh Bi Hoa, quyển thứ năm nói), “*ngũ*” là quyển thứ năm, trong quyển ấy có một đoạn như thế này: “*Thử Phật thế giới*” (thế giới của vị Phật này), chữ “*Phật*” ở đây chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, nay đang trụ trong thế giới này, “*đương danh Sa Bà, thời hữu đại kiếp, danh viết Hiền Thiện. Thị đại kiếp trung, hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện u thế*” (sẽ có tên là Sa Bà, khi ấy có đại kiếp tên là Hiền Thiện. Trong đại kiếp ấy, có một ngàn vị Thế Tôn thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời), có một đoạn như thế. Nói rõ Thích Ca Mâu Ni Phật, Di Lạc Bồ Tát trong tương lai xuất hiện trong thế gian này, thế giới này cũng gọi là Sa Bà, đại kiếp ấy gọi là Hiền Kiếp hoặc Hiền Thiện. Sa Bà là tên gọi của thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, chúng tôi giới thiệu đơn giản danh từ này đôi chút¹. “*Giới danh, hựu tác Sa Ha, Sa Ha Lô Đà*” (tên của thế giới, còn gọi là Sa Ha, hoặc Sa Ha Lô Đà), đều là tiếng Phạn, dịch âm khác nhau đôi chút, nhưng âm đọc đại khái vẫn là tương tự. “*Tân dịch vi Sách Ha*” (Tân dịch là Sách Ha), ở đây, Tân và Cựu lấy Huyền Trang đại sư để phân chia giới tuyến. Phiên dịch trước thời Huyền Trang đại sư là Cựu Dịch, những danh xưng nói trong phần trước đều là Cựu Dịch. Huyền Trang đại sư dịch thành Sách Ha, tương đối gần âm tiếng Phạn hơn, đó là Tân Dịch. Chúng ta học kinh giáo, do trước kia Huyền Trang đại sư phiên dịch kinh không ít, cho nên

¹ Ở đây, Hòa Thượng giảng thêm về danh xưng Sa Bà, những câu này trích từ Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phước Bảo, chứ không phải là những câu được viết trong bộ Chú Giải của cụ Hoàng Niệm Tổ.

chúng ta phải nên hiểu đôi chút về ý nghĩa của Cự Dịch và Tân Dịch để chẳng đến nỗi nầy sanh hiểu lầm. Sa Bà nghĩa là gì? “*Kham nhân chi nghĩa, nhân nhi dịch viết Nhân Độ*” (nghĩa là có thể chịu đựng, do vậy, [Sa Bà] còn được dịch là Nhân Độ, tức cõi chịu đựng). Kham Nhân là quý vị thật sự có thể chịu đựng. Thế giới này rất khổ, cư dân ở nơi đây có thể chịu đựng; vì thế, gọi là Sách Ha. Do đó, còn dịch là Nhân Độ, Độ là cõi đất này. [Nhân Độ nghĩa là] chúng sanh trong cõi này thật sự có thể chịu đựng nhiều nỗi khổ nạn; khổ nạn do đâu mà có? Chúng ta biết, trong kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, khổ nạn là do chúng ta mê hoặc tự tánh, tùy thuận tập tánh, tập tánh bất thiện, tạo tác đủ thứ nghiệp bất thiện, nên cảm quả báo. Nhân quả báo ứng rất hiện thực, khắp nơi đều là nó, bất cứ lúc nào cũng đều phát sanh, chỉ cần chúng ta lắng lòng chú tâm quan sát, sẽ biết chuyện nầy chẳng tơ hào sai chạy, thiện có thiện quả, ác có ác báo.

Vì sao nơi A Di Đà Phật trụ được gọi là thế giới Cực Lạc, còn thế giới của chúng ta gọi là thế giới Sa Bà? Cực Lạc và Sa Bà có gì khác biệt? Nói thật thà, hai thế giới bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào. Nhưng trong kinh Vãng Sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy thật tốt đẹp, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có kẻ bất thiện, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có ngôn hạnh bất thiện, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn gì! Thủy tai, phong tai, động đất, chưa hề nghe nói! Do nguyên nhân gì? Đức Phật cũng từ bi nói rõ với chúng ta: Thế giới ấy toàn là các vị thượng thiện nhân sống cùng một chỗ. Chúng ta bèn hiểu rõ: Thế giới Cực Lạc là một thế giới mới, giống như một khu vực mới trong thế gian này, vừa mới thành lập; thế giới Sa Bà là một khu rất cổ lỗ, đời đời kiếp kiếp chứa đựng những nghiệp chướng tập khí chưa đoạn. Một khu vực mới được thành lập, trong ấy có cư dân hay không? Không có, khu vực mới không có cư dân cũ, [cư dân trong Tây Phương Cực Lạc] đều do A Di Đà Phật dùng bốn nguyện và oai thần tiếp dẫn người trong mười phương thế giới sanh về thế giới Cực Lạc; bởi lẽ, nó là một khu vực mới.

Đến chỗ Ngài phải thỏa một điều kiện, điều kiện gì vậy? Điều kiện là Thập Thiện. A Di Đà Phật bảo chúng ta [cư dân trong cõi Cực Lạc] đều là thượng thiện nhân ở cùng một chỗ, chúng ta muốn đến đó, ắt phải tu thượng phẩm Thập Thiện mới có thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm rất khá, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, lâm chung có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc cái tâm của quý vị là thiện hay bất thiện. Muốn xem lòng của quý vị mà thiện bất thiện. Mười vạn câu chẳng sai, có công phu, nếu quý vị tu Thập Thiện, thượng phẩm Thập Thiện, ngay lập tức phê chuẩn, có thể di dân sang thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu, tâm địa bất thiện, vẫn còn tham, sân, si, mạn, còn có tự tư tự lợi, kẻ ấy chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Công phu niệm Phật trọn đủ, đạt tiêu chuẩn, cho năm mươi điểm, nhưng các mặt khác không đủ điểm số, chẳng thể vãng sanh! Do vậy, phải ghi nhớ, thượng phẩm Thập Thiện! Phải thật sự làm, chẳng thật sự làm sẽ không được! Hiện thời, tu thượng phẩm Thập Thiện như thế nào? Mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, đó là thượng phẩm Thập Thiện. Do vậy, chớ nên sơ sót! Đệ Tử Quy hoàn toàn chẳng thực hiện sẽ không thể về thế giới Cực Lạc, Cảm Ứng Thiên không thực hiện chẳng đến thế giới Cực Lạc. Hai thứ Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy đều thực hiện sẽ chẳng khác thượng phẩm Thập Thiện cho mấy, tôi tin [người ấy] chắc chắn có thể làm được [thượng phẩm Thập Thiện]. Chớ nên chẳng chú ý những lời đức Phật đã dạy trong kinh, chớ nên coi thường, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh

bạch, trong một đời này chúng ta hội đủ điều kiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ ổn thỏa, thích đáng đến được thế giới Cực Lạc. Điều này có cùng một đạo lý với việc di dân trong hiện thời, chúng ta hội đủ điều kiện sẽ có thể di dân sang thế giới Cực Lạc.

Tu hành trong thế gian này vô cùng khó khăn, khó khăn lớn nhất là thọ mạng quá ngắn, tức là nói thời gian chúng ta tu học không đủ, còn chưa thành công, thọ mạng đã hết rồi. Đời sau sanh làm người, được tiếp tục mang thân người, tối thiểu bị gián đoạn hai mươi năm. Trong hai mươi năm chết sống ấy, gần như quên sạch sành sanh những thứ đã tu trong đời trước. Đời này tiếp tục tu bèn nhanh hơn một chút, vẫn chẳng bằng thọ mạng lâu dài hồng có thể viên mãn thành tựu trong một đời. Đến thế giới Cực Lạc, chuyện ấy sẽ được giải quyết. Người sanh về thế giới Cực Lạc sẽ giống như A Di Đà Phật, A Di Đà Phật vô lượng thọ, nên ai nấy trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Vì vậy, gọi là “*thành tựu viên mãn trong một đời*” vì họ có thời gian. Dựa vào điều này, chúng ta thật sự hiểu minh bạch, rõ ràng: Chẳng thể không vãng sanh! Đức Phật dạy chúng ta, những gì trong thế gian này chẳng thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy buông xuống toàn bộ; những gì có thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy khéo học tập, tu hành. Chớ nên không biết những gì có thể mang theo. Những gì sẽ mang theo được? Giới, Định, Huệ mang theo được, Thiên Định, Bát Nhã mang theo được, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức mang theo được. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian chẳng mang theo được. Chẳng mang theo được thì phải thật sự buông xuống, chẳng có tơ hào lưu luyến; đối với những gì mang theo được bèn nghiêm túc học tập.

Học Phật, mục tiêu chung cực là mong cầu minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đúng là trở về tự tánh. Chỉ cần chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn sẽ thành tựu viên mãn trong một đời. Vì sao gọi là một đời? Vãng sanh thế giới Cực Lạc là một đời. Phải biết: Vãng sanh là vãng sanh ngay trong lúc còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Chư vị đồng học nhất định phải hiểu rõ điều này! Vì thế, vãng sanh là bất tử, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn chưa tắt hơi, vẫn là người sống. Quý vị thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, già biệt người nhà, chào từ biệt họ rồi ra đi. Thân thể chẳng cần đến nữa, bỏ đi, chẳng mang theo thân thể, đây là thứ rất bản thiêu, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, chẳng có thứ gì bản thiêu. Thân là cội nguồn của hết thảy ô nhiễm, cần phải vứt bỏ nó. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, chẳng chết, ra đi trong lúc sống. Đến thế giới Cực Lạc, nơi đó là hóa sanh, chẳng phải là thai sanh. Thế giới Cực Lạc là hóa sanh, nên chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Đã thế, đức Phật giới thiệu thể chất [của người trong cõi Cực Lạc] là “*tử ma chân kim sắc thân*” (thân có như vàng ròng màu tía được trau giồi sáng bóng), thân Kim Cang bất hoại, đều là từ tự tánh lưu lộ, giống như Phật, thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Nếu quý vị thật sự thấy, thật sự hiểu rõ, đã hiểu rõ thì quý vị còn chẳng vãng sanh ư? Quý vị còn có gì để lưu luyến trong thế gian này? Máy may lưu luyến đều chẳng có, nhất tâm hướng về. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói ý niệm “nhất tâm hướng về” chính là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, giảng rất tuyệt! Nói cách khác, quý vị đã hoàn toàn hội đủ điều kiện vãng sanh. Do vậy, so sánh giữa hai thế giới, chúng ta rất coi trọng điều này.

“*Pháp Hoa Văn Cú nhị viết*” (Sách Pháp Hoa Văn Cú, quyển hai, chép) Pháp Hoa Văn Cú là tác phẩm chú giải [kinh Pháp Hoa] do Trí Giả đại sư soạn. Trong ấy có giải

thích chữ Sa Bà: “*Sa Bà thử phiên Nhẫn, kỳ độ chúng sanh an trụ trong Thập Ác, bất khả xuất ly*” (Sa Bà, cõi này dịch là Nhẫn. Chúng sanh trong cõi ấy an trụ trong Thập Ác, chẳng chịu xuất ly). Đây là hoàn cảnh hiện tại của chúng ta. “*Tùng nhân danh độ, cố xưng vì Nhẫn*” (do con người mà đặt tên cõi nước; vì thế gọi là Nhẫn). Thật vậy, người trên thế giới này, đúng là an trụ trong Thập Ác, tức mười ác nghiệp: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, tham lam, nóng giận, ngu si, quý vị thấy đó, mười điều ấy đều là tội nghiệp. Tạo tác mười loại nghiệp ấy, quả báo là trong tam đồ, tức ngạ quỷ, địa ngục, và súc sanh, quả báo ở nơi ấy, chẳng chịu xuất ly, lắm nỗi khổ sở! Vì họ (chúng sanh trong thế giới của chúng ta) có thể chịu đựng [những nỗi khổ sở ấy], nên trong tiếng Phạn bèn gọi [thế giới này] là Sa Bà. “*Bi Hoa kinh vân: Vân hà danh Sa Bà? Thị chư chúng sanh nhân thọ Tam Độc cập chư phiền não, cố danh Nhẫn Độ, diệc danh Tạp Hội, cửu đạo cộng cư cố*” (Kinh Bi Hoa nói: “Có sao tên là Sa Bà? Các chúng sanh ấy chịu đựng Tam Độc và các phiền não, nên gọi là Nhẫn Độ, còn gọi là Tạp Hội, [là chỗ để chúng sanh] thuộc chín đường cùng ở”). Trong thế gian này, Tạp Hội là tạp cư (ở lẫn lộn), tổ chất của nhân dân rất phức tạp. [Kinh Bi Hoa] cũng nói các chúng sanh trong cõi ấy có thể chịu đựng tham, sân, si, mạn; tham, sân, si là Tam Độc, “*cập chư phiền não*” (và các phiền não), phiền não nặng nhất là ngạo mạn và hoài nghi. Sự hoài nghi ấy chẳng tầm thường, mà là hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Hiện thời, chúng ta còn phải thêm một câu, “hoài nghi truyền thông của tổ tiên”, những thứ đó đều là phiền não. Vì thế được gọi là Nhẫn Độ. Ý nghĩa Tạp Hội được câu tiếp theo nói rất rõ ràng: “*Cửu đạo cộng cư*” (chín đường cùng ở). Có sao có chín đường? Thông thường chúng ta chỉ nói sáu đường, nếu tách ra thành chín đường thì cũng có thể nói thông suốt. Trong thiên đạo có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, đó là ba đường, một biến thành ba. Trong địa ngục có Vô Gián địa ngục, có tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng; do vậy, một cũng biến thành ba. Vì lẽ đó, đúng là vô cùng phức tạp, vì sống trong thế gian này, trong thế giới này, ai nấy tâm đều bất thiện, tạo nghiệp khác nhau, quả báo cũng chẳng giống nhau. Đoạn này nhằm giải thích vì sao thế giới này gọi là Sa Bà

Tiếp đó, trong “*Pháp Hoa Huyền Tán*”² nói “*Phạn vân Sách Ha, thử vân Kham Nhẫn, chư Bồ Tát đặng hành lợi lạc thời, đa chư oán tạt chúng khổ bức não, kham nại lao quyện nhi nhân thọ cố, nhân dĩ vi danh. Sa Bà giả, ngoa dã*” (tiếng Phạn là Sách Ha, cõi này dịch là Kham Nhẫn. Khi các vị như Bồ Tát v.v... hành lợi lạc, bị nhiều sự oán ghét, các thứ khổ sở bức bách, não hại, nhưng các Ngài có thể chịu đựng nhọc nhằn, mệt mỏi, kiên nhẫn hứng chịu. Vì thế, lấy đó làm tên [của thế giới. Phiên âm thành] Sa Bà là sai). Ý nghĩa này khác với phần trước, trong phần trước nói về chúng sanh cư trụ, tức cư dân trong thế giới này, họ có thể chịu đựng những khổ nạn trong thế gian, đó gọi là “tự làm, tự chịu”. Trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa³ nói đến chư Phật, Bồ Tát, chúng sanh trong thế gian này

² Pháp Hoa Huyền Tán có tên đầy đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, gồm mười quyển, do ngài Khuy Cơ soạn. Trong tác phẩm này, Khuy Cơ đại sư đã dựa trên lập trường Pháp Tướng Duy Thức, nhất là lý luận trong Nhiếp Đại Thừa Luận để phán định Nhất Thừa, Tam Thừa, phê bình các thuyết của tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm. Ngài trích dẫn rất nhiều đoạn từ Pháp Hoa Luận của Thế Thân Bồ Tát để nhận định về duyên khởi của kinh Pháp Hoa, xiển minh tông chỉ, giải thích tựa đề kinh, cũng như giải thích đại lược nội dung chánh kinh.

³ Ở đây, tên tác phẩm bị nói lầm, phải là Pháp Hoa Huyền Tán.

tuy khổ, nhưng họ có cảm, có người mong cầu Phật, Bồ Tát, trong khi chịu khổ, chịu nạn, họ cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu Phật, Bồ Tát đến cứu chúng con. Chúng sanh dấy lên ý niệm ấy, Phật, Bồ Tát lập tức nhận được tin tức ấy, các Ngài có đến hay không? Đến chứ! Các Ngài đến giúp đỡ chúng ta, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Các Ngài đến nơi đây để độ bọn chúng sanh chúng ta, trạng huống như thế nào? [Các Ngài] chịu khổ giống như chúng ta, có thể còn chịu khổ nhiều hơn chúng ta, có nghĩa là Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian để độ chúng sanh rất khổ, chẳng dễ độ! Nói tới ý nghĩa này. Quý vị thấy [sách Pháp Hoa Huyền Tán viết] “*chư Bồ Tát đẳng*”, chữ “*đẳng*” ấy nghĩa là gì? Có A La Hán, Bích Chi Phật, còn có chư thiên, chư thiên từ bi cũng đến thế gian giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, họ đến “*hành lợi lạc thời*” (khi hành lợi lạc), lợi lạc chúng sanh, đến giúp chúng sanh, đến cứu khổ cứu nạn, nhưng như thế nào? “*Đa chư oán tật chúng khổ bức nã*”, [nghĩa là] Bồ Tát đến đây hảo tâm cứu giúp chúng sanh, nhưng vẫn có rất nhiều kẻ oán giận, ganh ghét các Ngài, còn có rất nhiều kẻ gây cho các Ngài đủ mọi nỗi phiền não. Hiện thời, hiện tượng này được thấy rất rõ rệt: Người tin tưởng cầu Phật, Bồ Tát, kẻ không tin bèn nhục mạ người ấy là mê tín, nghĩ hết mọi cách để bài xích, chướng ngại người ấy. Độ chúng sanh rất khổ, nhưng những vị Bồ Tát ấy có thể nhẫn nại. “*Kham nại lao quỵên*” (chịu đựng mệt mỏi, nhọc nhằn), đó là vất vả, khổ sở, “*nhĩ nhẫn thọ cố*” (kiên nhẫn hứng chịu). Ở đây, Bồ Tát tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, thứ gì cũng đều nhẫn nại, “*nhân dĩ vi danh*” (do vậy, bèn lấy đó làm tên). Quý vị thấy đó, cư dân khổ sở, Phật, Bồ Tát đến nơi đây độ chúng sanh cũng khổ, nên gọi là thế giới Kham Nhẫn; do vậy, lấy đó làm tên. “*Sa Bà giả, ngoa dã*” ([phiên âm thành] Sa Bà là sai): Sa Bà là phiên âm thời cổ, phải nên phiên là Sách Ha, âm này (tức Sa Bà) so với nguyên âm khác biệt nhiều hơn⁴. “*Tây Vực Ký nhất viết*” (Tây Vực Ký quyển một viết), Tây Vực Ký do Huyền Trang đại sư viết, Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh mười mấy năm, có viết một quyển sách ghi lại những chuyện thấy nghe trên đường đi, mang tựa đề là Tây Vực Ký. “*Sách Ha thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, vi nhất Phật hóa nhiếp dã*” (thế giới Sách Ha là cõi nước tam thiên đại thiên, là nơi hóa độ, nhiếp thọ của một vị Phật), đây là nói về Thích Ca Mâu Ni Phật, [nói về] khu vực giáo hóa của một vị Phật. “*Cựu viết Sa Bà*” (lời xưa, phiên âm là Sa Bà), “*hựu viết Sa Ha, giai ngoa*” (lại còn dịch là Sa Ha, đều sai). Những âm này đều không chính xác, nên Ngài phiên là Sách Ha. Đây là thuyết minh đơn giản câu “*đương danh Sa Bà*” (nên đặt tên là Sa Bà).

“*Thời hữu đại kiếp*” (khi ấy, có đại kiếp), “*thời*” là lúc hiện tại, trong khoảng thời gian ấy, đại kiếp có tên là Hiền Kiếp, “*danh viết Hiền Thiện*” (tên là Hiền Thiện); trong đại kiếp ấy, “*hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi xuất hiện u thế*” (có một ngàn vị Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời), “*thành tựu đại bi*” là đặc biệt nói rõ các vị Bồ Tát thị hiện thành Phật trong thế giới này nhằm giáo hóa chúng sanh, mang ý nghĩa này. “*Cứ Phật Tổ Thống Ký*” (Theo Phật Tổ Thống Ký), Phật Tổ Thống Ký⁵ là một quyển sách

⁴ Đây là nói theo cách phát âm đời Đường, chứ nếu căn cứ theo âm đọc Quan Thoại hiện thời (Sa Bà là Suō Pó và Sách Ha là Suō Hē), sẽ thấy cả hai âm đều chẳng có âm nào gần với âm tiếng Phạn Sahaloka-dhatu.

⁵ Phật Tổ Thống Ký, đúng ra phải là Phật Tổ Thống Kỷ (佛祖統紀) là một tác phẩm do ngài Chí Khánh soạn vào đời Tống gồm năm mươi bốn quyển, chép về lịch sử Phật giáo. Sách bắt đầu bằng Thích Ca Mâu Ni Phật Bổn Kỷ, kế tiếp là truyện ký của lịch đại tổ sư Trung Quốc. Theo sách này, đức Phật giảng sanh

trong Phật môn, có thể nói là sách lịch sử nhà Phật, có chép danh hiệu của mấy vị Phật, “*đệ nhất Phật danh Câu Lưu Tôn Phật, thứ vi Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, tam vi Ca Diếp Phật*” (vị Phật thứ nhất tên là Câu Lưu Tôn Phật, vị kế đó là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, vị Phật thứ ba là Ca Diếp Phật), vị thứ tư là hiện tại, “*tức vi kim chi Thích Ca Mâu Ni Phật, thứ hậu hữu Di Lặc*” (tức là Thích Ca Mâu Ni Phật trong hiện thời, sau đây có ngài Di Lặc), đây là vị Phật thứ năm. Sau đó là chữ “*đăng*” (vân vân), sau đây còn có “*cửu bách cửu thập lục Phật trong kế xuất thế*” (chín trăm chín mươi sáu vị Phật kế tiếp nhau xuất thế). Đây là giới thiệu giản lược một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp lần lượt xuất hiện trên thế gian trong đại kiếp này. “*Kim thử hội trung, Di Lặc dữ kỳ tha Hiền Kiếp trung thành Phật chi cửu bách cửu thập ngũ đại sĩ giai lai tập hội*” (nay trong hội này, Di Lặc và chín trăm chín mươi lăm vị đại sĩ sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp đều đến nhóm hội). Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Linh Sơn, kinh này được nói tại Linh Sơn, cùng địa điểm với kinh Pháp Hoa, giảng kinh ở nơi ấy. Di Lặc Bồ Tát và chín trăm chín mươi lăm vị đại Bồ Tát sẽ thành Phật trong thế gian này vào thời tương lai của Hiền Kiếp đều đến tham gia pháp hội này. “*Thính Phật thuyết pháp, cố tri Hiền Kiếp trung vị lai nhất thiết chư Phật giai tất đồng tuyên thử kinh*” (nghe đức Phật thuyết pháp, nên biết hết thầy chư Phật vị lai trong Hiền Kiếp ắt sẽ đều cùng tuyên nói kinh này). Cụ Niệm Tổ có cách nhìn như thế, lý giải như thế, chúng ta thấy một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp đều đến tham dự pháp hội này, trong tương lai các Ngài thành Phật, lẽ nào chẳng giảng kinh này? Lẽ nào chẳng tuyên dương pháp môn này?

Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ thuyết minh đơn giản: “*Biệt thuyết, Hiền Kiếp cộng nhất thiên linh ngũ Phật*” (Thuyết khác cho rằng trong Hiền Kiếp có một ngàn lẻ năm vị Phật), tức là không kể Di Lặc Bồ Tát, đây là một cách nói khác. Sau Di Lặc Bồ Tát còn có một ngàn vị Phật xuất thế, đó là [ý nghĩa của câu] “*Di Lặc dĩ hạ nhất thiên linh nhất nhân*” (từ Di Lặc trở đi là một ngàn lẻ một người), hiện thời chưa thành Phật, còn đang mang thân phận Bồ Tát. “*Phi sở thường kiến, cố bất tường lục*” (do chẳng thường thấy nên chẳng sao lục chi tiết), chẳng rườm rà, tinh lược [phần nêu danh hiệu cụ thể của các vị Phật trong Hiền Kiếp]. “*Dĩ thượng đệ nhất phẩm, dĩ Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, lục chủng thành tựu, vi bốn kinh chứng tín. Kinh trung đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân, siêu việt dư kinh, đồng ư Pháp Hoa*” (Trong phẩm thứ nhất, dùng Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, sáu thứ thành tựu để chứng tín kinh này. Giống như kinh Pháp Hoa, chúng đại tỳ-kheo trong kinh này là một vạn hai ngàn vị, trội vượt các kinh khác). Chúng ta đặc biệt lưu ý sự biểu thị pháp này, nói rõ tầm quan trọng của kinh này. Quý vị thấy đức Phật nói hết thầy các kinh, thông thường số lượng các vị tỳ-kheo đều là một ngàn hai trăm năm mươi người, chỉ riêng kinh Pháp Hoa là một vạn hai ngàn người, kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, cho thấy pháp hội này và Pháp Hoa bình đẳng. Trong quá khứ, tổ sư đại đức bảo: Hết thầy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm có thể chia thành ba loại là Tiểu Thừa, Đại Thừa, và Nhất Thừa, chia thành ba loại ấy. Tiểu Thừa giảng về Thanh Văn và Duyên Giác, nói theo cách bây giờ là học hành đã đạt được học vị, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là thành Phật. Đối với “*kinh thành Phật*” (kinh dạy pháp môn tu

vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương (1029 trước Công Nguyên). Sách chép các sự kiện Phật giáo từ năm 1027 trước Công Nguyên đến năm Hàm Thuần thứ năm (1259) đời Tống Độ Tông, chú trọng chủ yếu sự truyền thừa của tông Thiên Thai, đồng thời nói thêm một số tông phái khác.

thành Phật), các vị tổ sư đại đức từ xưa đã khẳng định kinh thành Phật chỉ có ba bộ, tức là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Kinh Phạm Võng chưa được truyền toàn bộ đến Trung Quốc, chỉ có một phẩm được truyền đến Trung Quốc, đó là Bồ Tát Giới Phẩm, tức là phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới trong bộ kinh ấy. Bộ kinh đó phân lượng cũng rất lớn, nhưng chưa được truyền tới. Tại Trung Quốc chỉ có Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, nhưng tổ sư đại đức phán định kinh này cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều là “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”. Nói cách này hợp lý, mà nói theo Lý cũng thông suốt. Nói cách khác, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, thành Phật trong một đời, [cho nên] kinh này cũng là thành Phật trong một đời.

Sau đó lại nói: “*Hựu Phổ Hiền tối vi thượng thủ, đồng ư Hoa Nghiêm kinh, diệc biểu bốn kinh chi đồng ư thượng chi Viên Giáo nhị kinh dã*” (Hơn nữa, giống như kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát là vị Thượng Thủ đầu tiên của kinh này, điều này cũng biểu thị kinh này giống như hai kinh Viên Giáo vừa được nhắc đến trên đây). Đây là hai bộ kinh Nhất Thừa trong Viên Giáo, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) ngang hàng với hai kinh đó, chẳng sai biệt! Vì vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã gọi kinh này là Trung Bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, quý vị thấy có ý nghĩa như vậy. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những đề xướng, chỉ dạy của các vị tổ sư đại đức. Trong toàn bộ Phật giáo, trong bốn mươi chín năm hồng truyền của Thích Ca Mâu Ni Phật, bộ kinh này chiếm địa vị ra sao? Có thể nói bộ kinh này là chí cao vô thượng! Không chỉ ngang hàng với Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, trên thực tế, nó còn cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng viên mãn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, thật sự đạt tới viên mãn rốt ráo, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này. Nếu chúng ta nương theo Pháp Hoa và Hoa Nghiêm để tu hành, hy vọng thành công trong một đời này hết sức xa vời, mờ mịt. Các pháp môn ấy phải tu Định, Pháp Hoa tam-muội chẳng dễ thành tựu, Pháp Giới Quán như trong kinh Hoa Nghiêm người tầm thường chẳng thể quán thành. Quý vị thấy phương pháp trong bộ kinh điển này, trong bốn mươi tám nguyện có nói “khi lâm chung, mười niệm nhất định vãng sanh”. Do vậy, Thiên Đạo đại sư tán thán pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta đã gặp gỡ, may mắn lắm! Dầu trong đời này, chúng ta học Phật cũng thế, mà không học Phật cũng thế, trong quá khứ và đời này đã tạo chẳng ít tội nghiệp, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị sau khi nghe pháp môn này, hạ quyết tâm “quay đầu là bờ”, ta chẳng còn làm ác nữa, ta thật sự nhất tâm tu học Thập Thiện, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, là được rồi. Quá khứ tạo tác tội Thập Ác, Ngũ Nghịch cũng được, vẫn có thể vãng sanh, tuyệt diệu chưa? Đúng là quay đầu là bờ! Chúng ta chớ nên không biết điều này, nhất định phải quý trọng duyên phận thù thắng khôn sánh này.

Chúng ta học phẩm thứ nhất tới đây, dưới đây, chúng ta xem phẩm thứ hai là ***Đức Tuân Phổ Hiền***. Chúng ta thấy trước đó cụ Hoàng Niệm Tổ mào đầu: “*Đệ nhị phẩm thị thượng phẩm thánh chúng chi bổ sung*” (phẩm thứ hai là phần nói chi tiết thêm về thánh chúng trong phẩm trước). Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu chỉ nói đến xuất gia Bồ Tát, tại gia Bồ Tát chưa nhắc tới, phải nói bổ sung trong phần kế tiếp. “*Bốn phẩm chi thủ, ư Bồ Tát chúng trung, niệm xuất thượng thủ chi Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (đầu phẩm này, trong hàng Bồ Tát, lại nêu lên mười sáu vị Chánh Sĩ thượng thủ như Hiền Hộ v.v...), mười sáu vị đại Bồ Tát ấy đều là Đẳng Giác Bồ Tát, toàn là tại gia Bồ Tát.

“*Phẩm mạt*” (phẩm cuối cùng), tức cuối phẩm bốn mươi tám, “*phục tiêu dư chi tam chúng cập chư thiên đại chúng, dĩ bố túc thượng phẩm*” (lại nêu ba chúng kia và chư thiên đại chúng nhằm bố túc phẩm đầu), tức phẩm trước của phẩm này, “*lục thành tựu trung chi Chúng Thành Tựu*” (Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu), nói rõ ở đây. “*Vưu ưng trước nhãn*” (càng đáng chú ý nhất), tức là phải lưu ý, “*bốn phẩm danh Đức Tuân Phổ Hiền*” (phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền), ý nghĩa của tiêu đề này vô cùng trọng yếu, “*cái biểu dự hội chi vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát, hàm cộng tuân tu Phổ Hiền chi đức*” (biểu thị vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát dự hội đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền). Quý vị nói xem kinh này có tuyệt vời hay chẳng? “*Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền*” là ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, tức là trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chư Phật, Bồ Tát vị nào cũng đều tu “*Phổ Hiền chi đức*”, “*Phổ Hiền chi đức*” là mười đại nguyện vương, thành tựu viên mãn trong một đời. Kinh này chẳng ra ngoài lệ ấy. “*Phổ Hiền chi đức, thật diệc vô lượng*” (đức của Phổ Hiền thật sự cũng là vô lượng), nói thật với quý vị thì là vô lượng vô biên, “*nhĩ kỳ tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu, tắc vi thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc dã, thị vi bốn phẩm chi cương*” (nhưng điểm cốt lõi, trọng yếu nhất lại chính là “mười đại nguyện vương dẫn dắt về Cực Lạc”. Đó là cương lĩnh của phẩm này). Tổng cương lĩnh của phẩm kinh này là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền đức thật sự là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số. Cụ Hoàng nói rất hay, “*tâm yếu*”: “*Tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu*” (điều cốt lõi nhất trong các điều cốt lõi, điều trọng yếu trong các điều trọng yếu) chính là mười đại nguyện vương. Do vậy, chúng ta phải học mười đại nguyện vương, có thể học bao nhiêu bèn học bấy nhiêu, đối với chính mình chắc chắn có lợi ích.

Đầu tiên là phải học “*lễ kính chư Phật*”, đối với bất cứ ai đều phải lễ kính. Vì sao? Hết thấy chúng sanh là vị lai Phật, há có thể chẳng lễ kính ư? Chúng ta lạy Phật, phải lạy ba đời mười phương chư Phật, ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu, đời vị lai, đức Phật đã nói “*hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật*”. Chúng ta chẳng cung kính một người hay chẳng cung kính một động vật nhỏ chính là chẳng cung kính vị lai Phật. Từ chỗ này, có thể thấy được đại đức và đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Không chỉ là đối với hết thấy hữu tình chúng sanh, chúng ta phải có ý niệm kính trọng chân thành, phải lễ kính viên mãn, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật còn dạy: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chúng Trí*”. Chúng ta chỉ nói động vật là hữu tình, còn vô tình thì sao? Thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa là vô tình. Vô tình chúng sanh cùng viên thành Chúng Trí, câu này chẳng thể nghĩ bàn, cũng có nghĩa là vô tình chúng sanh cũng sẽ thành Phật. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, trước kia chẳng hiểu nổi câu này! Bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã bị khốn đốn bởi câu kinh văn này, giảng theo cách nào? Tôi thân cận rất nhiều vị đại đức, thưa hỏi họ câu này thì họ cũng chẳng giảng câu này rõ ràng cho lắm. Giảng kha khá một chút là hữu tình chúng sanh thành Phật thì núi, sông, đại địa cũng đều thành tựu. Cách giảng ấy không sai, nhưng chưa thể khiến cho chúng tôi tâm phục, khẩu phục. Mãi cho đến lúc chúng tôi học tập Hoa Nghiêm, học bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Tác phẩm ấy giảng về nguyên khởi của vũ trụ rõ ràng, minh bạch. Trước khi đọc kinh luận ấy, tuy kinh giảng rất rõ ràng, minh bạch, nhưng đối với căn tánh của chúng tôi thì vẫn chưa được, thô tâm đại ý, chưa thấu hiểu được! Kinh thường nói: “*Nhất niệm bất giác bèn có vô minh*”, lại nói: “*Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục*

thô”, đối với những điều kinh luận Duy Thức đã nói, chúng ta cũng biết nói, nhưng thường là nói chẳng rõ ràng, đối với những phần kinh văn ấy, từ đầu đến cuối là lơ mơ, chẳng hiểu rõ. Từ Hoa Nghiêm, từ Hoàn Nguyên Quán mới hiểu rõ ràng, mới hiểu điều gì? Nguyên lai là trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, tâm và vật chẳng thể tách rời, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong một vi trần có tin tức viên mãn, đương nhiên hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí. Hiểu rõ chân tướng của chuyện này, không chỉ có tâm cung kính đối với con người, mà đối với một tảng đá, một hạt cát hay bụi đều trọn đủ tâm cung kính, quý vị mới thực hiện được sự lễ kính chư Phật của Phổ Hiền Bồ Tát. Ta cung kính hết thấy mọi người, cung kính thiên địa, quý thần, nhưng thiếu tâm cung kính đối với bùn, cát và những hiện tượng tự nhiên thì sự lễ kính chư Phật của quý vị vẫn còn thiếu sót to lớn, mà chính mình chẳng biết! Phạm vi của lễ kính to như thế, phạm vi của mỗi điều trong chín điều kia đều là khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta là người tu học Đại Thừa, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chớ nên không biết điều này. Đã biết, hãy thật sự làm, trong tương lai phẩm vị vãng sanh sẽ cao, phẩm vị của chính mình được nâng cao với một mức độ lớn.

Bây giờ chúng ta xem kinh văn, đoạn kinh này nói về mười sáu vị Chánh Sĩ nhằm bổ sung phần Bồ Tát Chúng phía trước.

(Kinh) Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vị Thượng Thủ.

(經)又賢護等十六正士。所謂善思惟菩薩。慧辯才菩薩。觀無住菩薩。神通華菩薩。光英菩薩。寶幢菩薩。智上菩薩。寂根菩薩。信慧菩薩。願慧菩薩。香象菩薩。寶英菩薩。中住菩薩。制行菩薩。解脫菩薩。而為上首。

(Kinh: Lại có nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ, tức là: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát làm Thượng Thủ).

Đây là giới thiệu đức hiệu của mười sáu vị Thượng Thủ Bồ Tát. Ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, bao hàm ý nghĩa đặc biệt. Trong hàng xuất gia Bồ Tát thuộc phần trước, chỉ nêu tên ba vị, tại gia Bồ Tát nêu ra mười sáu vị, điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta phải hiểu rõ, pháp môn này đặc biệt dành cho các đồng học tại gia tu tập, thích hợp nhất đối với sự tu

hành tại gia. Mười sáu vị Bồ Tát có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc. Tại gia có thể thành tựu Đẳng Giác Bồ Tát, chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: “*Chánh Sĩ giả*”, trước tiên giải thích Chánh Sĩ là gì, “*Độ Thế Kinh viết: Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ đẳng, giai Bồ Tát chi dị xưng*” (Kinh Độ Thế⁶ nói: “Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ v.v... đều là tên gọi khác của Bồ Tát”). Trong kinh Phật có nhiều cách xưng hô như thế, quý vị thấy những danh xưng ấy toàn là biệt hiệu của Bồ Tát. Trong kinh Độ Thế nói tới Khai Sĩ, thì Khai (開) là khai ngộ, chẳng phải là khai ngộ tầm thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người như vậy được gọi là Khai Sĩ, Bồ Tát, hoặc Pháp Thân Bồ Tát. Đối với danh xưng Đại Sĩ, quý vị thấy chúng ta nói Quán Âm Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ, đây cũng chính là Ma Ha Tát trong tiếng Phạn, [nghĩa là] Đại Bồ Tát, đều là danh xưng của Pháp Thân Bồ Tát. Thánh Sĩ: Thánh nhân, chẳng phải là con người, thánh ở đây là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh. A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát được coi là tiểu thánh, còn những vị này là đại thánh. Lực Sĩ là danh xưng thường dùng trong Mật Tông, như Kim Cang Lực Sĩ⁷ thường được nói tới trong [các kinh sách của] Mật Tông. Chánh Sĩ: Chánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là Chánh Sĩ. Pháp Thân Bồ Tát đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ kém một chút là tập khí vô minh vẫn còn, do [tập khí] có dày hay mỏng khác nhau, cho nên có bốn mươi mốt đẳng cấp. Đối với hết thấy cảnh duyên, các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta phải biết điều này.

⁶ Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Độ Thế Phẩm Kinh, do ngài Pháp Hộ xứ Đại Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, gồm sáu quyển. Đây là một bản dịch khác của phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm.

⁷ Kim Cang Lực Sĩ (Vajrapānibalin): Trong Mật Tông, danh xưng này có hai cách hiểu:

1. Danh xưng của một vị hộ pháp thần, thường là Bồ Tát hoặc cổ Phật thừa nguyện ủng hộ Phật pháp, hóa hiện thân tướng dũng mãnh, phẫn nộ, đáng sợ, cầm Kim Cang Xử hộ trì Tam Bảo. Vị Kim Cang Lực Sĩ nổi tiếng nhất tên là Mật Dao, còn gọi là Na La Diên đã phát nguyện hộ trì một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Theo hội Kim Cang Lực Sĩ trong kinh Đại Bảo Tích, vào thời quá khứ, Chuyển Luân Thánh Vương Dũng Quân có một ngàn lẻ hai người con trai. Hai người con trai út là Pháp Ý và Pháp Niệm. Pháp Ý phát nguyện khi một ngàn vị vương tử thành Phật, sẽ theo hộ trì, làm Kim Cang Lực Sĩ để hộ trì những pháp bí yếu của Phật.

2. Kim Cang Lực Sĩ là từ ngữ gọi gộp chung của Kim Cang và Lực Sĩ. Kim Cang còn gọi là Nan Thắng Kim Cang là danh xưng của các vị hộ pháp cầm Kim Cang Xử thủ hộ, ngăn ngừa kẻ ác phá hoại. Lực Sĩ cũng là thần thủ hộ tương ứng thường đi chung với Kim Cang, nên còn gọi là Đôi Diện Kim Cang. Các tự viện thường đắp tượng hai vị này thủ hộ hai bên Đại Hùng Bảo Điện. Có thuyết lại nói vị bên trái là Tả Phù Kim Cang (tức Mật Dao Kim Cang), vị bên phải là Hữu Bật Kim Cang (tức Na La Diên). Hiểu theo nghĩa này thì Na La Diên khác với Mật Dao Kim Cang.

Như vậy là khi dùng danh xưng Lực Sĩ, đã hạn cuộc trong ý nghĩa các vị Đại Bồ Tát hóa thân làm thần hộ pháp.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Chân Giải vân*” (sách *Chân Giải* nói), trong phần trước tôi đã giới thiệu cùng quý vị, đây là tác phẩm chú giải của tổ sư đại đức Nhật Bản, “*Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị sĩ phu*” (Chánh là chánh đạo, Sĩ là sĩ phu), đây là bậc sĩ đại phu, “*tại gia chi xưng. Thử đẳng đại sĩ, ngoại hiện phàm hình, nội thâm đạt chánh đạo cố, cư gia danh vi Chánh Sĩ*” (là danh xưng của người tại gia. Các vị Đại Sĩ này ngoài hiện hình tướng phàm phu, bên trong thấu hiểu sâu xa chánh đạo, sống tại gia, gọi là Chánh Sĩ). Đây là tại gia Bồ Tát, tại Trung Quốc, người tu hành tại gia được gọi là Cư Sĩ. Cư sĩ là người tại gia tu đạo nên gọi là Cư Sĩ. Nói chung, đối với các vị Đại Sĩ, tức hàng Pháp Thân Bồ Tát, có nhiều danh xưng, đối với tại gia Bồ Tát [thì các danh xưng] Khai Sĩ và Chánh Sĩ cũng được dùng rất nhiều, thường thấy [sử dụng trong giới Phật giáo]. “*Ngoại hiện phàm hình*”, “*phàm hình*” là thân phận tại gia, trên thực tế là “*thâm đạt chánh đạo*”, “*đạt*” (達) là thông đạt, chẳng phải là nông cạn, tầm thường, mà là “*thâm đạt*”, “*thâm*” nghĩa là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đời Đường, thuở Lục Tổ tại thế, trong hội của Ngài có bốn mươi ba người minh tâm kiến tánh, trong đó có tại gia cư sĩ chứng đắc quả vị Pháp Thân Bồ Tát.

“*Hựu Hội Sớ viết: Thập lục Chánh Sĩ giả, Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh ngôn*” (sách *Hội Sớ* lại nói: “Mười sáu vị Chánh Sĩ, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh nói”), đây là danh xưng của một bộ kinh, tức là Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh⁸, kinh ấy nói: “*Bồ Tát bát vạn tứ thiên cập thập lục Chánh Sĩ*” (Bồ Tát tám vạn bốn ngàn và mười sáu vị Chánh Sĩ). Có thể thấy là mười sáu người này thường được đức Thế Tôn nêu lên làm thí dụ, gương mẫu, khuôn phép trong khi giảng kinh, giáo học. “*Tắc minh tri Chánh Sĩ chi danh, vân cư gia Bồ Tát*” (cho thấy danh xưng Chánh Sĩ chỉ hàng tại gia Bồ Tát), nói rõ mười sáu vị này đều là tại gia đại Bồ Tát, chẳng phải là kẻ tầm thường. “*Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị cư sĩ*” (Chánh là chánh đạo, Sĩ là cư sĩ), Hoàng lão cư sĩ nói như vậy, chúng ta càng dễ hiểu. “*Thử đẳng đại sĩ, tuy bảo quang hòa trần*” (các vị đại sĩ ấy, tuy sống lẫn với phàm nhân), Trung Quốc cũng có một thành ngữ có tánh chất hoàn toàn tương đồng là “*hòa quang đồng trần*”, hòa quang đồng trần và câu này (bảo quang hòa trần) có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. “*Cửu xuất u tà đạo, thâm đạt u chánh pháp, cố vân Chánh Sĩ dã*” (đã thoát khỏi tà đạo từ lâu, thông đạt sâu xa chánh pháp, nên gọi là Chánh Sĩ), đây là cổ đại đức giải thích danh từ này. “*Chuân thượng khả tri, Chánh Sĩ giả, tức tại gia Bồ Tát*” (chuân theo những điều trên đây có thể biết Chánh Sĩ chính là tại gia Bồ Tát), đây là lời tổng kết, nhằm kết luận mười sáu vị trên đây toàn là tại gia Bồ Tát. “*Hựu thập lục giả, Mật Tông dĩ thập lục số, biểu viên mãn vô tận*” (Lại nữa, Mật Tông dùng con số mười sáu để biểu thị sự viên mãn vô tận); do vậy, đối với mười sáu vị này, con số mười sáu cũng nhằm biểu thị pháp, dùng các Ngài để đại diện viên mãn chúng tại gia. “*Xuất Sanh Nghĩa vân*” (sách *Xuất Sanh Nghĩa* nói), *Xuất Sanh Nghĩa*⁹ là tên một quyển sách, là một bộ luận,

⁸ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Đây là một bản dịch khác của hội Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký trong kinh Đại Bảo Tích. Kinh này trần thuật công đức và sự nghiêm của cõi Tịnh Độ của ngài Văn Thù sau khi thành Phật.

⁹ Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa, do ngài Bất Không dịch, nội dung giải thích ý nghĩa từ Pháp Thân xuất sanh ba mươi bảy tôn thánh trong Kim Cang Giới Mạn Đà La. Ba mươi bảy tôn thánh chính là:

chúng ta cũng có thể nói trong bài luận văn ấy lại giảng: “*Quyết hữu hà sa trần hải số lượng, cử thập lục vị yên, diệc trần sa chi số bất xuất ư thứ hỷ*” (Số lượng dầu nhiều như hằng sa biển các vị trần, cũng chỉ nêu ra mười sáu vị mà thôi, số nhiều như trần sa cũng chẳng ra ngoài số này), nói rõ “mười sáu” là biểu thị pháp. Chúng ta đừng nên nghĩ nó là một con số, mà phải thấy nó là biểu thị pháp, ý nghĩa sẽ càng viên mãn. Vì sao? Trong đại hội này, hàng tại gia học Phật chứng đắc minh tâm kiến tánh chắc chắn không chỉ là mười sáu vị, cho nên “mười sáu” biểu thị sự viên mãn. Ý nghĩa này hay lắm, gồm trọn hết thấy những người tại gia đã đạt tới trình độ này.

Tiếp đó là giới thiệu từng vị một, đầu tiên là giới thiệu Hiền Hộ. “*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, thường kiến kinh luận*” (Nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ thường thấy [nhắc tới] trong kinh luận). Trong khi giảng kinh, giáo học, đức Phật thường lấy các vị này làm thí dụ. “*Thắng Tư Duy Phạm Thiên Kinh cập Tư Ích Kinh, liệt thập lục danh. Trí Độ Luận tiêu thập lục, đản căn liệt lục danh*” (Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên và kinh Tư Ích có nêu tên mười sáu vị này. Trí Độ Luận nhắc đến mười sáu vị, nhưng chỉ nêu tên sáu vị đầu), nêu ra mười sáu vị, nhưng [Trí Độ Luận] chỉ kể tên sáu vị. “*Luận viết*” (Luận chép), Luận ở đây là Đại Trí Độ Luận, “*Thiên Thủ*”, Thiên Thủ chính là Hiền Hộ, tức là sự thủ hộ hiền thiện, có ý nghĩa này. “*Đẳng thập lục Bồ Tát thị cư gia Bồ Tát. Hạ liệt ngũ danh, tư bất cụ dẫn*” (mười sáu vị Bồ Tát là tại gia Bồ Tát, kể đó nêu tên năm vị, ở đây không nêu tên đầy đủ), tinh lược, chứng tỏ những vị này đều là đại Bồ Tát tại gia học Phật, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ được đức Thế Tôn nhắc đến. “*Tư Ích Kinh vân: Nhược hữu chúng sanh văn danh giả, tất cánh đắc Tam Bồ Đề, cố vân Thiên Thủ*” (Kinh Tư Ích nói: “Nếu có chúng sanh nghe tới tên Ngài sẽ rốt ráo đắc Tam Bồ Đề. Vì vậy, gọi Ngài là Thiên Thủ”). Tam Bồ Đề (Sambodhi) là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có thể thấy những vị Bồ Tát này, trí huệ, thần thông, đạo lực có thể làm cho hết thấy chúng sanh nghe danh hiệu các Ngài cũng đạt được Tam Bồ Đề. Vì thế, danh hiệu, pháp danh đức hiệu của Ngài là Hiền Hộ, Thiên Thủ có nghĩa là Hiền Hộ. “*Hựu Đại Phương Đẳng Đại*

- Năm vị Phật ứng với Ngũ Trí của Như Lai (Đại Nhật Như Lai, A Súc Như Lai, Bảo Sanh Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, và Bất Không Như Lai), mỗi vị Phật có bốn vị Bồ Tát châu hầu. Chẳng hạn như Vô Lượng Thọ Như Lai kết Di Đà Định Ấn, có các vị Bồ Tát Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngũ châu hầu.

- Bốn vị Ba La Mật Bồ Tát: Kim Cang Ba La Mật, Bảo Ba La Mật, Pháp Ba La Mật và Nghiệp Ba La Mật (bốn vị này châu hầu Đại Nhật Như Lai).

- Mười sáu vị Đại Bồ Tát (các vị này vây quanh bốn vị Như Lai còn lại): Kim Cang Tát Đòa, Kim Cang Vương, Kim Cang Ái, Kim Cang Hỷ, Kim Cang Bảo, Kim Cang Quang, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tiểu, Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngũ, Kim Cang Nghiệp, Kim Cang Hộ, Kim Cang Nha, Kim Cang Quyền.

- Tám vị cúng dường Bồ Tát: Kim Cang Hy Hỷ, Kim Cang Hoa Man, Kim Cang Ca Vịnh, Kim Cang Pháp Vũ, Kim Cang Phân Hương, Kim Cang Giác Hoa, Kim Cang Đẳng Minh, Kim Cang Đồ Hương. Bốn vị đầu gọi là Nội Cúng Dường do Đại Nhật Như Lai lưu xuất để cúng dường bốn vị Như Lai kia, bốn vị sau là Ngoại Cúng Dường, do bốn vị Phật kia lần lượt lưu xuất để cúng dường Đại Nhật Như Lai.

- Tứ Nhiếp Bồ Tát: Kim Cang Câu, Kim Cang Tác, Kim Cang Tỏa, Kim Cang Linh.

Tập Hiền Hộ Kinh” (lại nữa, kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ), đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu Hiền Hộ Chánh Sĩ với mọi người, giảng về Ngài trong buổi giảng ấy, trong kinh ấy có nói: “*Vương Xá đại thành hữu ưu-bà-tắc, danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ*” (Đại thành Vương Xá có ưu-bà-tắc tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng), Ngài là thượng thủ của hàng cư sĩ. “*Hựu Đại Bảo Tích Kinh Hiền Hộ Trưởng Giả hội*” (lại nữa trong hội Hiền Hộ Trưởng Giả của kinh Đại Bảo Tích), Bảo Tích là một trong hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn; hội này có quy mô rất lớn, trong hội này, đức Phật nói rất nhiều kinh điển, nói mấy chục bộ. Đây là một đại pháp hội, thời gian cũng rất dài, trong hội này, tức là trong hội Đại Bảo Tích cũng có nói kinh Vô Lượng Thọ. “*Phật thuyết Hiền Hộ trưởng giả chúng lạc sự*” (đức Phật nói về các điều vui sướng của trưởng giả Hiền Hộ), “*lạc*” là yêu chuộng, chuyện vui sướng. “*Kỳ thọ ư khoái lạc quả báo, tuy phục Dao Lợi Đế Thích Thiên Vương do bất năng cập, hưởng phục nhân gian*” (hưởng quả báo vui sướng, dầu là Dao Lợi Đế Thích Thiên Vương còn chưa thể sánh bằng, hưởng hồ nhân gian). Có nhân ấy có quả, Phật pháp đã thật sự đem lại sự thọ dụng chân thật cho con người.

Thuở tôi học Phật, vì lúc tuổi trẻ học hành trong trường, chịu ảnh hưởng của giáo viên, thầy đôi khi cũng bàn tới tôn giáo, luôn bảo tôn giáo là mê tín. Vì thế, đối với tôn giáo, chúng tôi cũng hiểu lầm rất sâu, chẳng muốn tiếp xúc tôn giáo, luôn nghĩ tôn giáo là mê tín. Nhân duyên khiến tôi học Phật là do học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương giảng một bộ Triết Học Khái Luận, phần cuối cùng là Triết Học Trong Kinh Phật. Tôi rất hiếu kỳ, hỏi thầy: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là phiếm thần giáo, đa thần giáo, là mê tín nhất trong các thứ mê tín, làm sao có triết học cho được?” Thầy bảo tôi: “Anh còn trẻ, không biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới”. Tôi học Triết Học, chưa hề nghe nói Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia. Thầy lại bảo tôi: “Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trong toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”. Kinh nói tới điều này, Hiền Hộ Bồ Tát học Phật tới mức pháp hỷ sung mãn; nói cách khác, đạt tới sự hưởng thụ cao nhất trong thế gian. Câu này có cùng một ý nghĩa với câu nói của thầy Phương bảo tôi thuở ấy. Tôi đọc câu này có cảm xúc cũng rất sâu, có đạt được sự hưởng thụ tối cao ấy hay không? Tôi đã học Phật năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp, đã sáu mươi năm rồi, thật sự đạt được, hằng ngày đều đạt được, hoan hỷ khôn sánh, chứng thực lời cổ đức đã bảo: “*Ý vị thế gian há nông đậm bằng pháp vị?*” Nếu đem ý vị của nhân gian thiên thượng sánh với pháp vị, chẳng có cách nào sánh bằng!

Nhân gian thiên thượng là gì? Nói tới sự phú quý trong nhân gian; người Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, Phú là có của cải, Quý là địa vị cao cả, vào thời cổ là tước vị, đế, vương, công, hầu, những tước vị ấy sang quý. Còn có ba điều nữa là “*đa nam nữ*”, tức là đông con lắm cháu, “*đa tử đa tôn*”. “*Hiếu đức hiếu thiện*” (ham đức, chuộng lành), chẳng thể thiếu một điều nào. Hễ thiếu một điều, dầu trong quá khứ tu đại phú đại quý, sẽ hưởng hết rất nhanh, khi hưởng hết sẽ lụn bại, phú quý đã hưởng hết rồi! Nếu người ấy ham thiện, chuộng đức, quý vị thấy vừa hưởng phú quý vừa tu phú quý thì phước báo mới chẳng hưởng hết, đời đời kiếp kiếp dằng dặc không dứt. Điều cuối cùng, lúc mất tốt lành, tức “*thiện chung*”. Người Hoa nói là “*thiện chung*”, [tức là] lúc mất, đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, chẳng đau khổ. Người như vậy rời khỏi thế gian, đời sau chẳng vào nhân gian hưởng thụ phú quý, mà sẽ cao hơn đời này, sẽ sanh lên trời để hưởng phước trời. Đó là Ngũ Phước.

Trong Ngũ Phước, quan trọng nhất là điều cuối cùng, vì lẽ nào? Nó quyết định quả báo của quý vị trong đời sau. Nếu chết chẳng tốt lành, hiện thời chúng ta thường thấy người già lú lẫn, chuyện này rất phiền phức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Người già bị lú lẫn, dầu chúng ta niệm Phật trợ niệm cho họ, họ cũng chẳng được hưởng gì, chẳng đạt được lợi ích ấy, chắc chắn sẽ phải lưu chuyển theo nghiệp. Nếu người ấy suốt đời tích đức, hành thiện, chúng ta tin tưởng người ấy tuổi già chẳng thể nào mắc phải chứng bệnh ấy, vì sao? Người ấy có phước báo, có các thiện hạnh và thiện đức bảo vệ. Chúng ta học Phật càng phải chú ý điều này, học Phật mà lúc mắt bị lú lẫn thì cũng là theo nghiệp chịu báo. Đừng nói là quý vị tu học, tu Thiền hay tu Mật, cho tới lúc ấy hoàn toàn chẳng dùng được, mà niệm Phật cũng chẳng có cách gì!

Chúng ta liễu giải sự thật này, biết chân tướng này, chỉ biết nay chúng ta đang lúc khỏe mạnh, phải nên tu gì, cách tu như thế nào. Đây là những điều chúng tôi thường nói trong những năm qua, chớ nên sơ sót ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, chớ nên không nghiêm túc học tập. Quý vị thật sự muốn tích lũy công đức, công đức và phước đức khác nhau, chớ nên coi phước đức là công đức. Quý vị làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác, đó là phước đức. Quý vị thấy thuở ấy, Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, Lương Vũ Đế tiếp kiến Ngài. Có thể nói Lương Vũ Đế là một vị hộ pháp lớn nhất trong Phật giáo sử Trung Quốc, thật sự tận tâm tận lực hộ trì Phật pháp. Ông ta dùng thân phận đế vương, lập cho Phật giáo bốn trăm tám mươi tòa đạo tràng, tự viện, am, đường, hộ trì mấy chục vạn người xuất gia, chiếu cố họ, chính mình rất đặc ý. Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, hai người gặp mặt, Lương Vũ Đế khoe khoang chính mình đã thay Phật môn làm những chuyện tốt đẹp như thế, hướng về Tổ đình giáo, trên thực tế là khoe khoang: “Trong Phật môn, trẫm đã làm chuyện tốt đẹp nhiều ngàn ấy, công đức có lớn hay không?” Đạt Ma tổ sư trả lời bằng một câu: “Trọn chẳng có công đức”. Lương Vũ Đế nghe câu ấy chẳng chịu nổi, rất bực mình, đuổi Tổ đi, chẳng biếu tặng gì. Đạt Ma tổ sư nói chẳng sai, Ngài là người thật thà. Nếu tán thán nhà vua vài câu: “Rất lớn, rất lớn”, vua sẽ khoái chí, hộ trì Tổ, [do Tổ không làm như vậy] nên nhà vua hậm hực. Đây là [Tổ Đạt Ma] nói rõ Lương Vũ Đế làm chuyện gì? Phước đức, chẳng phải là công đức. Công đức là gì? Công đức là tu hành. Trì giới có công, có công phu sẽ đạt được gì? Đắc Định, đắc Định là đức; có công phu tu Định sẽ khai trí huệ, do Định khai huệ, khai trí huệ là đức. Vì thế, những thứ ấy là thật, chẳng giả, chẳng dính dáng gì đến chuyện quý vị tu Bồ thí, cúng dường. Bồ thí, cúng dường là tu phước, nhất định phải biết điều này. Nếu khi ấy Lương Vũ Đế hỏi: “Trẫm có phước đức hay không?” Nhất định tổ Đạt Ma sẽ giơ ngón cái lên: “Rất ư là lớn, phước đức của bệ hạ rất lớn!”

Phước đức và công đức khác nhau, quả báo của phước đức là trong ba thiện đạo, công đức chẳng phải vậy, công đức là vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, làm Tổ, đó là công đức. Công đức và phước đức nhất định phải phân biệt rõ ràng, phải hiểu rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong chùa miếu ghi cái rương đựng tiền để người ta bỏ tiền vào là Công Đức Sương (ruương công đức), làm rồi, há phải là công đức? Người hiểu biết sẽ ghi là Phước Điền Sương (ruương ruộng phước). Đó là đúng, quý vị đến gieo phước, [đó là] phước điền, chẳng có công đức. Dầu quý vị Bồ thí chùa miếu nhiều đến mấy vẫn chẳng có công đức, mà là phước đức. Nhất định phải hiểu rõ điều này, đừng nên lầm lẫn. Chúng ta học Phật, phải phước huệ song tu, công đức và phước đức đều phải nên tu; quý vị chỉ tu công đức, không tu phước đức, sẽ thiếu phước! Trong kinh Phật có câu chuyện: “*Tu huệ, bất tu*

phước, La Hán thác không bát” (Tu huệ, chẳng tu phước, La Hán đi khát thực, bát rỗng tuếch), A La Hán chúng đắc A La Hán quả, đó là công đức, nhưng thiếu phước báo, đi ra ngoài khát thực, chẳng được ai cúng dường, thiếu phước mà! Ngược lại, *“tu phước, bất tu huệ, đại tượng quải anh lạc*” (tu phước, chẳng tu huệ, voi to đeo chuỗi báu). Thời cổ, công cụ giao thông chưa có xe cộ. Tại Ấn Độ và Nam Dương đều dùng voi để thay thế, quốc vương ra ngoài ngồi trên lưng voi. Voi ấy là người tu hành trong quá khứ, tu phước, chẳng tu huệ, đời này đầu thai đọa trong súc sanh đạo, là vật cưỡi của quốc vương, khắp mình đeo các chuỗi báu, đó gọi là *“đại tượng quải anh lạc*”. Trong kinh, đức Phật thường nêu lên tỷ dụ này, dụng ý rất sâu. Nếu chúng ta thấu hiểu, hãy phước huệ song tu.

Đức Phật trọn chẳng cấm chúng ta tu phước, nhưng tu Huệ trọng yếu hơn tu phước, phải lấy tu Huệ làm chánh yếu, phải tu công đức. Trợ tu là phụ trợ thì tu phước kèm theo, phước huệ song tu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải hiểu đạo lý này, vì sao? Đã gặp gỡ Phật pháp, Phật pháp thù thắng ở chỗ nó tạo cơ hội cho quý vị, ngay trong một đời này có thể viên thành Phật đạo, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chuyện này rất hiếm có. Chẳng dễ thoát khỏi luân hồi! Đã sa vào hầm sâu này, chỉ có gặp gỡ Phật pháp thì quý vị mới có cơ hội vượt thoát luân hồi. Nhất là gặp gỡ Tịnh Độ, gặp gỡ Tịnh Độ mà nếu thật sự chịu tu tập, không ai chẳng thành công, thật sự giải thoát! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có thể nói thân thể này của chúng ta là thân cuối cùng trong lục đạo luân hồi, đời sau chẳng còn luân hồi nữa, điều này trọng yếu lắm! Quý vị nghĩ xem còn có chuyện gì quan trọng hơn chuyện này? Đời này chẳng thể vãng sanh, chắc chắn đời sau lại phải tiếp tục luân hồi. Chúng ta chẳng biết nỗi khổ luân hồi, nếu biết sẽ kinh sợ. Chắc chắn là luân hồi trong lục đạo thì thời gian trong tam ác đạo lâu dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi, tạm bợ; quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn thời gian trong ác đạo sẽ dài lâu. Điều này chẳng khó hiểu, quý vị nhìn vào hoàn cảnh sống, trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối, quý vị khởi lên mấy ý niệm là Giới, Định, Huệ? Khởi mấy ý niệm là tham, sân, si? Quý vị so sánh một chút sẽ hiểu ngay. Nếu thời gian khởi tham, sân, si dài hơn thời gian Giới, Định, Huệ, sẽ đi vào tam ác đạo, tâm tham là ngã quý đạo, sân khuê là địa ngục đạo, ngu si là súc sanh đạo. Do vậy, nếu lảng lờ phản tỉnh một phen, [sẽ thấy] rất đáng sợ! Trong một ngày, từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, dấy lên niệm nào, nói câu nào, làm chuyện gì, quý vị hoàn toàn hiểu rõ, chẳng cần hỏi ai khác, còn chẳng biết đời sau bản thân mình sẽ sanh vào đâu ư? Vì vậy, muốn vãng sanh thì phải nắm vững câu Phật hiệu, đọc kinh mỗi ngày, tối thiểu là niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một bộ kinh, niệm Phật hiệu càng nhiều càng tốt. Chắc chắn thời gian niệm Phật hiệu phải dài hơn thời gian suy nghĩ lung tung, quý vị mới có thể nắm chắc. Nếu không chống lại được, vãng sanh còn phải đánh dấu hỏi, chưa xác định. Tụng kinh, niệm Phật là công đức chân thật, tu thiện tích đức là chuyện tốt đẹp, phước huệ song tu, như vậy là đúng. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới đây.